

Số: 27 /2017/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 08 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 197/TTr-STC ngày 14 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Cà Mau;
- Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Cà Mau.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Mức chi

Mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Lập dự toán và quyết toán kinh phí

- Hàng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường lập dự toán chi gửi cơ quan tài nguyên và môi trường tổng hợp, trình cơ quan tài chính cùng cấp xem xét tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Việc lập, phân bổ dự toán và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

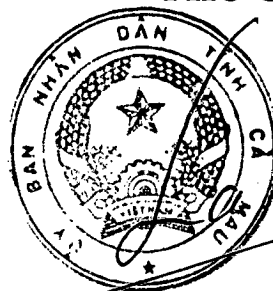
1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KT (Đ12.01);
- Lưu: VT. Tr 11/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**



Phụ lục

QUY ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
A	B	I	2	3
1	Lập nhiệm vụ, dự án			
1.1	Lập nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1.000-1.500	
1.2	Lập dự án	Dự án	2.000-4.000	Tuỳ theo mức độ phức tạp của dự án
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp Hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		
2.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
2.2	Thành viên, Thư ký	Người/buổi	250	
2.3	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
2.4	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
2.5	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Bài viết	250	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án, đề án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý	Bài viết	400	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
A	B	I	2	3
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức, doanh nghiệp, xã, phường,...	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày bằng 100% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	70	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	140	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ			
	- Nhiệm vụ	Báo cáo	5,000	Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ
	- Dự án	Báo cáo	8.000-12.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	450	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	350	
	Ủy viên, Thư ký Hội đồng	Người/buổi	250	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3
6	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	200	
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện ý kiến của hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	300	
	Hội thảo khoa học (nếu có)			
7	Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	300	
	Thư ký hội thảo		200	
	Đại biểu được mời tham dự		100	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	300	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ	Người/buổi		
	Chủ tịch Hội đồng		400	
	Thành viên, Thư ký		200	
8.2	Nghiệm thu dự án	Người/buổi		
	Chủ tịch Hội đồng		500	
	Thành viên, Thư ký Hội đồng		300	
	Nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện		400	
	Nhận xét, đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)		200	
	Đại biểu được mời tham dự		100	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã			
9.1	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,25 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ	Số hợp đồng không được vượt quá 02 người
9.2	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
10	Chi giải thưởng môi trường			
	- Tổ chức		3.000-4.000	
	- Cá nhân		1.000-2.000	